

Số: 1054 /TB-CHKĐH

Quảng Bình, ngày 11 tháng 11 năm 2024

THÔNG BÁO MỜI CHÀO GIÁ

Hạng mục: “Sửa chữa, cải tạo hệ thống tủ điện cấp nguồn cho nhà ga T1”

Cảng hàng không Đồng Hới – Chi nhánh Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP tổ chức mời chào giá rộng rãi hạng mục: “Sửa chữa, cải tạo hệ thống tủ điện cấp nguồn cho nhà ga T1”

Đề nghị các cơ quan, đơn vị có đủ năng lực, kinh nghiệm quan tâm nghiên cứu và gửi Hồ sơ chào giá theo các yêu cầu sau đây:

1. Yêu cầu về hồ sơ chào giá:

1.1. Yêu cầu về hàng hóa và nội dung công việc cần thực hiện: theo Phụ lục 01 và Phụ lục 02 đính kèm.

1.2. Yêu cầu về tình trạng, chất lượng của hàng hóa:

- Hàng hóa phải là sản phẩm chính hãng, mới 100%, chưa qua sử dụng, sản xuất năm 2023 trở về sau.

- Hàng hóa phải đáp ứng các tiêu chuẩn, quy định hiện hành (cung cấp giấy tờ chứng minh).

- Có bản sao giấy chứng nhận chất lượng (CQ) và giấy chứng nhận xuất xứ (CO) đối với các hàng hóa nhập khẩu.

- Bảo hành: theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất nhưng không ít hơn 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu bàn giao hàng hóa đưa vào sử dụng.

- Nhà cung cấp phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Cảng hàng không Đồng Hới – Chi nhánh Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP về tính hợp lệ của hàng hóa được chào giá.

1.3. Yêu cầu về Hợp đồng và thời gian, địa điểm thực hiện Hợp đồng:

- Loại hợp đồng: trọn gói. Bảo đảm thực hiện hợp đồng 3% giá trị hợp đồng.

- Thời gian thực hiện hợp đồng: trong vòng 20 ngày kể từ ngày hợp đồng được ký kết và có hiệu lực.

- Địa điểm thực hiện: Cảng hàng không Đồng Hới, Xã Lộc Ninh, Thành phố Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình.



1.4. Giá chào:

- Đề nghị chào giá trọn gói, đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) và toàn bộ các chi phí cần thiết để thực hiện hạng mục nói trên.

- Đồng tiền chào giá, thanh toán: Việt Nam đồng.

1.5. Thanh toán:

- Hình thức thanh toán: chuyển khoản.

- Phương thức thanh toán: thanh toán 100% giá trị hợp đồng trong vòng 15 ngày sau khi hai bên ký kết Biên bản nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng.

- Điều kiện tạm ứng: tạm ứng (nếu có) tối đa 20% giá trị hợp đồng. Tất cả các khoản tạm ứng đều phải được bảo lãnh.

1.6. Yêu cầu nội dung hồ sơ chào giá: Hồ sơ chào giá do nhà cung cấp chuẩn bị phải được ký bởi người đại diện hợp pháp của cơ quan, đơn vị, tổ chức và phải được đóng dấu theo quy định.

Quy cách và thành phần Hồ sơ chào giá:

- Đơn chào hàng theo Mẫu 01;

- Biểu giá theo Mẫu 02, 03, 04;

- Hồ sơ năng lực: Bản sao có chứng thực Giấy phép đăng ký kinh doanh; Bản sao có chứng thực 01 hợp đồng tương tự.

1.7. Yêu cầu hiệu lực và số lượng của hồ sơ chào giá:

- Hiệu lực hồ sơ chào giá: ≥ 30 ngày kể từ thời điểm kết thúc chào giá.

- Số lượng hồ sơ chào giá: 01 bản gốc và 02 bản chụp.

1.8. Yêu cầu khác:

- Nhà cung cấp phải tuân thủ các quy định hiện hành về an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ, an ninh, an toàn hàng không và nội quy của đơn vị và các quy định khác có liên quan khi thực hiện công việc.

- Nhà cung cấp phải cam kết có khả năng thực hiện hạng mục nói trên trong điều kiện đặc thù tại Cảng hàng không (vừa thi công vừa khai thác), quá trình thực hiện không làm ảnh hưởng đến hạ tầng điện, các phụ tải hiện hữu cũng như phải hoàn toàn chịu trách nhiệm, bồi thường mọi thiệt hại nếu có sai sót, sự cố xảy ra.

2. Thời hạn, phương thức và địa điểm nhận hồ sơ chào giá:

- Thời hạn gửi hồ sơ chào giá: trước 15^h00, ngày 14/11/2024.

- Phương thức gửi hồ sơ chào giá: gửi trực tiếp/ chuyển phát nhanh bưu điện theo địa chỉ nhận hồ sơ chào giá.

- Địa chỉ nhận hồ sơ chào giá: theo Mục 3. “Thông tin liên hệ” bên dưới.

3. Thông tin liên hệ:

- Bên mời chào giá: Cảng hàng không Đồng Hới – Chi nhánh Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP.

- Địa chỉ: Văn Phòng - Cảng hàng không Đồng Hới, Xã Lộc Ninh, Tp. Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình.

- Số điện thoại: 02323 810878;

- E-mail: vanthu.vdh@acv.vn

4. Yêu cầu đối với nhà cung cấp:

Nhà cung cấp là tổ chức có tư cách hợp lệ để tham gia nộp báo giá hạng mục này khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

- Có đăng ký doanh nghiệp/ đăng ký hoạt động hợp pháp còn hiệu lực và ngành, nghề kinh doanh phù hợp với yêu cầu của hạng mục;
- Có khả năng sẵn sàng thực hiện các dịch vụ sau bán hàng như nghĩa vụ bảo hành, bảo trì, duy tu, sửa chữa... hoặc các dịch vụ liên quan khác theo yêu cầu;
- Không vi phạm các hành vi bị cấm theo quy định của pháp luật trong khi tham dự hạng mục này;
- Không đang tranh chấp, khiếu kiện, xung đột quyền lợi với Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP./.

Nơi nhận: 

- Như trên;
- Tổ TT DHA (để đăng Website DHA);
- Ban TT ACV (để đăng Website ACV);
- Lưu VT.

GIÁM ĐỐC




Nguyễn Thành Nam



Phụ lục 01: BẢNG DANH MỤC VÀ SỐ LƯỢNG CỦA HÀNG HÓA, DỊCH VỤ
(Đính kèm Thông báo mời chào giá số 1054 /TB-CHKĐH ngày 11/11/2024)

STT	Danh mục của hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	SL	Ghi chú
I	Thay mới tủ điện AC GATE 1 và AC GATE 2			
1	Danh mục thiết bị tủ điện AC GATE 1 và AC GATE 2			
1.1	Tủ điện AC GATE 1 (đã bao gồm công lắp đặt)	Tủ	1	
1.2	Tủ điện AC GATE 2 (đã bao gồm công lắp đặt)	Tủ	1	
1.3	Vật tư phụ bao gồm (đầu cose, dây điện, áo cose, băng keo, dây rút, đất sét, ...)	Hệ	2	
2	Dịch vụ liên quan tủ điện AC GATE 1 và AC GATE 2			
2.1	Cô lập nguồn hiện hữu	Hệ	4	
2.2	Cắt đục bê tông tháo dỡ tủ điện kích thước 700x1000x300mm	Tủ	2	
2.3	Kiểm tra, test lại dây cáp nguồn, dây phân phối	Tủ	2	
2.4	Đấu nối dây cáp nguồn, dây phân phối	Hệ	4	
2.5	Xây tô, sơn bả trả lại mặt bằng sạch (bao gồm vật tư cát, gạch, xi măng, bột bả, sơn....)	Tủ	2	
2.6	Kiểm tra, vận hành không tải, có tải	Tủ	2	
2.7	Đào tạo, hướng dẫn vận hành	Hệ	1	
II	Thay mới tủ điện tổng (MSB)			
1	Danh mục thiết bị tủ điện tổng (MSB)			
1.1	Tủ điện tổng MSB (đã bao gồm công lắp đặt)	Tủ	1	
1.2	Vật tư phụ bao gồm(đầu cose, dây điện, áo cose, băng keo, dây rút, đất sét...)	Hệ	1	
2	Dịch vụ liên quan tủ điện tổng (MSB)			
2.1	Cô lập nguồn hiện hữu	Hệ	1	
2.2	Tháo dỡ tủ điện kích thước 800x1600x450mm	Tủ	1	
2.3	Kiểm tra, test lại dây cáp nguồn, dây phân phối	Tủ	1	
2.4	Đấu nối dây cáp nguồn, dây phân phối	Hệ	1	
2.5	Kiểm tra, vận hành không tải, có tải	Tủ	1	
2.6	Đào tạo, hướng dẫn vận hành	Hệ	1	



Phụ lục 02: THÔNG SỐ VÀ YÊU CẦU KỸ THUẬT CHI TIẾT

Hạng mục: Sửa chữa, cải tạo hệ thống tủ điện cấp nguồn cho nhà ga T1

(Đính kèm thông báo mời chào giá số ~~1054~~ /TB-CHKĐH ngày 11/11/2024 của Cảng hàng không Đồng Hới)

1. TỦ ĐIỆN AC-GATE 1-01 & 02

1.1. THÔNG SỐ KỸ THUẬT TỦ ĐIỆN AC-GATE 1-01 & 02

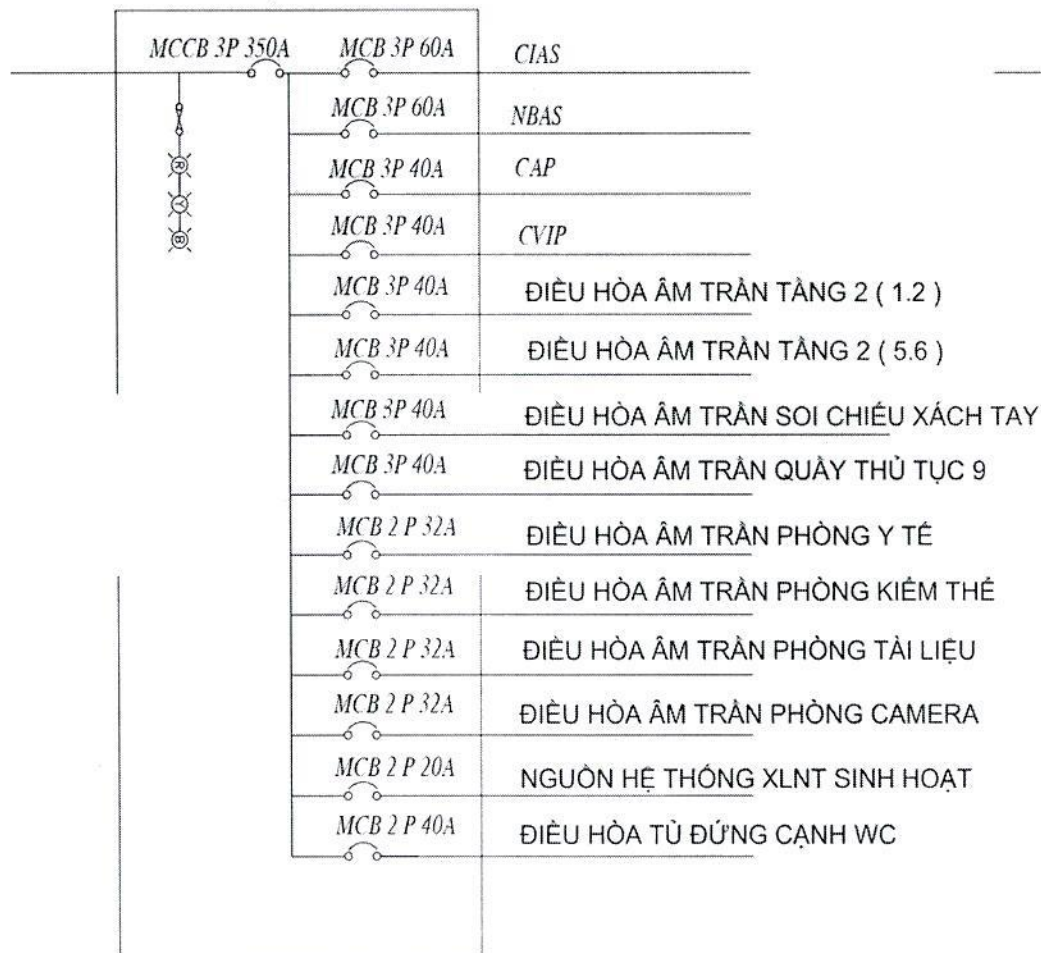
TECHNICAL DATA (THÔNG SỐ KỸ THUẬT)						
1. Switchboard Type: (Kiểu tủ)	☒ MSB	☐ MDB/DB	☐ MCC	☐ COMPOSITE		
2. Standard Of Production: (Tiêu chuẩn sản xuất)	☒ IEC 61439-1,2 & QCVN		* Electrical Spec:	☒ 3P-4W-380/220 ± 10%V - 50 ± 5% Hz		
3. Work Environment: (Môi trường làm việc)	☒ Normal (Bình thường)	☐ Corrosive Medium (Ăn mòn trung bình)	☐ Seaside Environment (Môi trường cạnh biển)			
4. Mounting Position: (Vị trí lắp đặt)	☒ Indoor (Trong nhà) ☒ Standing Floor (Trên sàn)	☐ Outdoor (Ngoài trời) ☐ Wall - mounted (Treo tường)	☐ Recessed (Ám tường)			
5. Degree Of Protection: (Cấp bảo vệ IP)	☐ IP 31	☒ IP42	☐ IP54			
6. Segregation Form: (Dạng chia ngăn tủ)	☐ Form 1	☐ Form 2a ☒ Form 2b	☐ Form 3a ☐ Form 3b	☐ Form 4a ☐ Form 4b		
7. Color Enclosure: (Màu sơn tủ điện)	☒ RAL 7035 Light Grey (kem nhàn)	☐ RAL 7032 Pebble Grey (xám nhàn)	☐ RAL 3129 Smooth red (đỏ láng)	☐ COMPOSITE		
8. Frame Structure (Kết cấu khung tủ):						
-Dimension (Kích thước): Height (mm) x Width (mm) x Depth (mm): 1600x1200x350						
-Material (Vật liệu):	☒ Steel plate (Thép tấm)	☐ Inox 304	☐ Other (Khác)	☐ Composite		
-Thickness of Frame (Độ dày khung):	☐ 1.2mm	☒ 1.5mm	☐ 2.0mm	☐ 3mm ~ 5mm		
-Thickness of Doors (Độ dày cửa):	☐ 1.2mm	☒ 1.5mm	☐ 2.0mm	☐ Tolerance of Dimension Composite (Sai số kích thước vỏ Composite) : ± 5.0 mm		
-Other detail thickness (Độ dày chi tiết khác):	☐ 1.2mm	☒ 1.5mm	☐ 2.0mm			
9. Connecting Access (Kết nối cáp vào/ra):						
- Incoming (Cáp vào):	☒ Top (Đỉnh tủ)	☐ Bottom (Đáy tủ)	☐ Back (Lưng tủ)	☐ Side (Hông tủ)		
- Outgoing (Cáp ra):	☒ Top (Đỉnh tủ)	☐ Bottom (Đáy tủ)	☐ Back (Lưng tủ)	☐ Side (Hông tủ)		
10. Nameplate: (Nhãn tủ điện)	☒ Vietnamese (Tiếng việt) ☒ English (Tiếng anh)	☒ Decal - Black lettering on yellow (chữ đen, nền vàng) - cửa trong ☒ Mica - White lettering on black (chữ trắng, nền đen) - cửa ngoài				
11. Cable, Wiring & Busbar system (Hệ thống thanh cái và dây, cáp):						
- Cable (Cáp):	☒ Power Cable (Cáp động lực)	☒ Cu/PVC - 0.6/1kV				
- Wiring (Dây):	☒ Control Wiring (Dây điều khiển)	☒ Cu/PVC - 300/500VAC	☒ Size - 1.0 mm ²			
	☒ Secondary Wiring (Dây đo lường)	☒ Cu/PVC - 300/500VAC	☒ Size - 1.5 mm ²			
- Busbar system (Hệ thống busbar):	☐ Niken Plating (Mạ niken)	☒ Base copper (Đồng trần)				
	☐ Heat Shrink Cover Phase Marking (Bọc co nhiệt phân pha)	☒ Heat Shrink Cover (Bọc co nhiệt)				
	☐ N=100%P (Trung tính=100% pha)	☒ N=50%P (Trung tính=50% pha)				
12. Phase / Polarity Arrangement and Colour Coding (Sắp xếp pha / phân cực và quy định màu)	Phase Name (Tên pha)	Phase 1 (Phase 1)	Phase 2 (Phase 2)	Phase 3 (Phase 3)	Neutral (Trung tính)	Earth (Tiếp địa)
	Color Symbol (Màu sắc)	Red (Đỏ)	Yellow (Vàng)	Blue (Xanh dương)	Black (Đen)	Yellow-Green
	Phase Symbol (Ký hiệu pha)	R	S	T	N	E

1.2. DANH MỤC THIẾT BỊ TỦ ĐIỆN AC-GATE 1-01 & 02

STT	Nội dung	Nhãn hiệu/ Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	TỦ ĐIỆN AC GATE 1	VN	Tủ	1	
1.1	Tủ sơn tĩnh điện màu DHE - 7035 Form 2b, IP 42	VN	Tủ	1	
1.2	Busbar + cáp (đã bao gồm)	VN	Bộ	1	
2	NGÕ VÀO 1				
2.1	MCCB 3P 400A 50KA	Schneider	Cái	1	
2.2	Đèn báo pha	CNC/ tương đương	Cái	3	
2.3	Cầu chì + đế	CNC/ tương đương	Cái	3	
3	NGÕ RA 1				
3.1	MCB 3P 40A 6KA	Schneider	Cái	6	
3.2	MCB 2P 40A 6KA	Schneider	Cái	1	
3.3	MCB 2P 32A 6KA	Schneider	Cái	4	
3.4	MCB 2P 20A 6KA	Schneider	Cái	1	
3.5	MCB 3P 63A 6KA	Schneider	Cái	2	
4	NGÕ VÀO 2				
4.1	MCCB 3P 400A 50KA	Schneider	Cái	1	
4.2	Đèn báo pha	CNC/ tương đương	Cái	3	
4.3	Cầu chì + đế	CNC/ tương đương	Cái	3	
5	NGÕ RA 2				
5.1	MCB 3P 40A 6KA	Schneider	Cái	7	
5.2	MCB 2P 40A 6KA	Schneider	Cái	1	
5.3	MCB 2P 32A 6KA	Schneider	Cái	1	
6	Nhân công + phụ kiện lắp đặt (đã bao gồm)	VN	Lô	1	

1.3. SƠ ĐỒ NGUYÊN LÝ TỦ ĐIỆN AC GATE 1 - 01 & 02

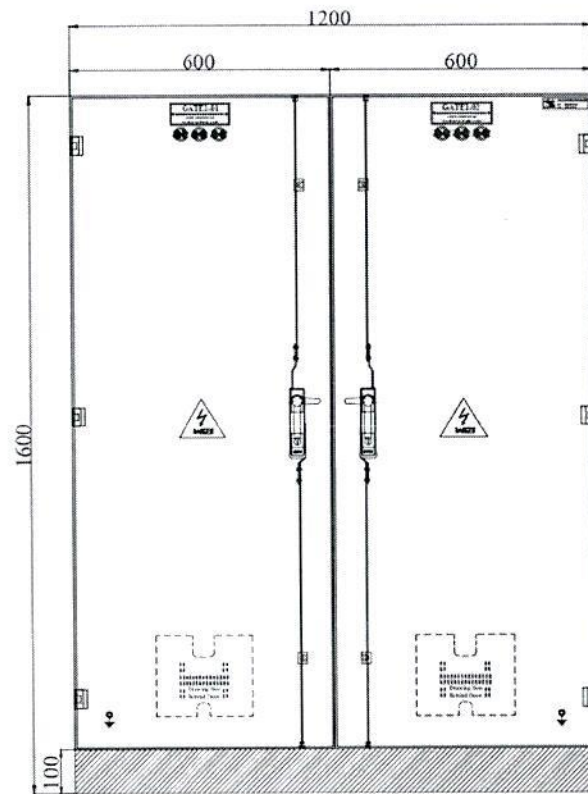
AC GATE 1-01



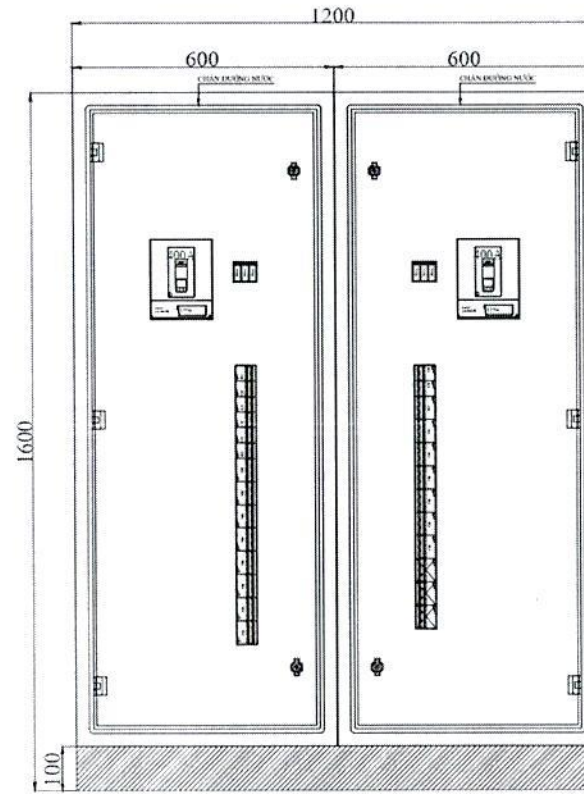
AC GATE 1-02



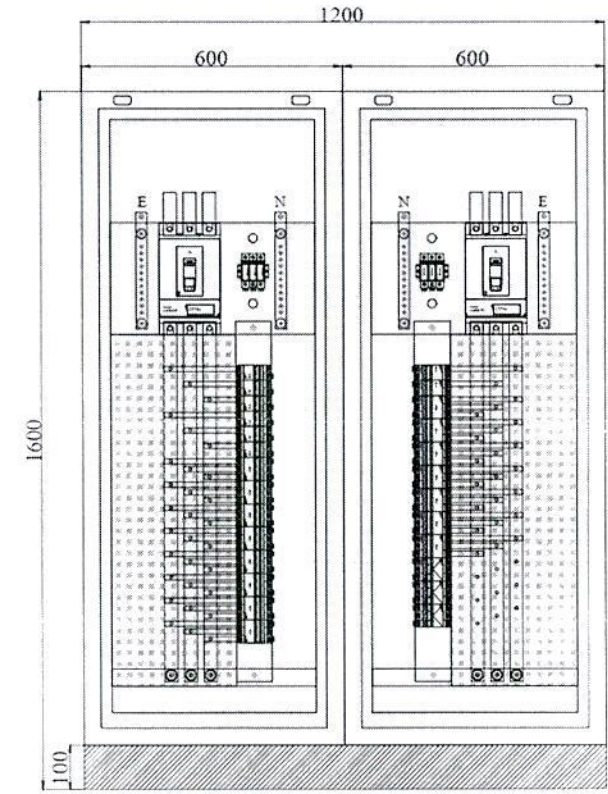
1.4. LAYOUT TỦ ĐIỆN AC GATE 1 - 01 & 02



FRONT VIEW

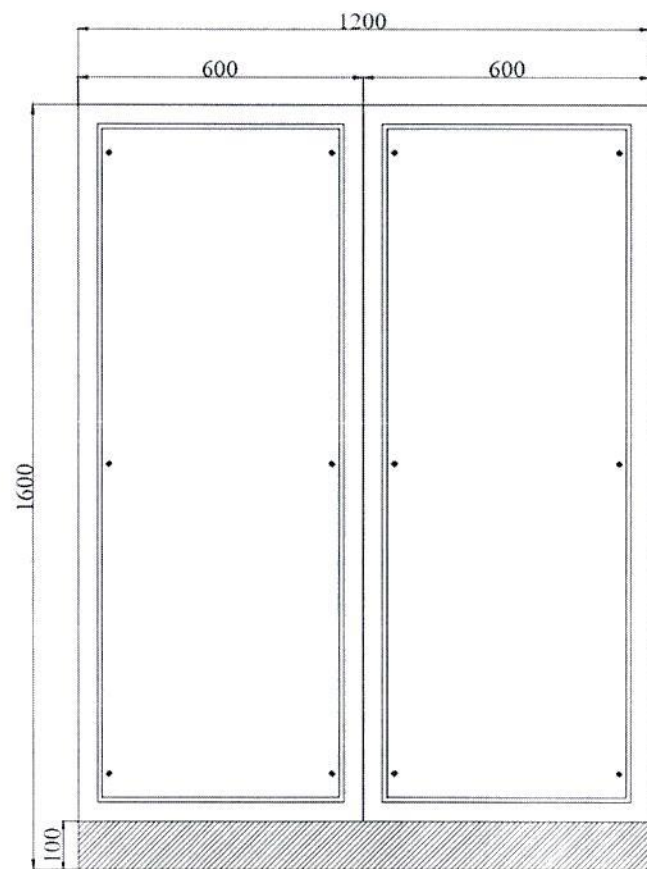


INNER DOOR

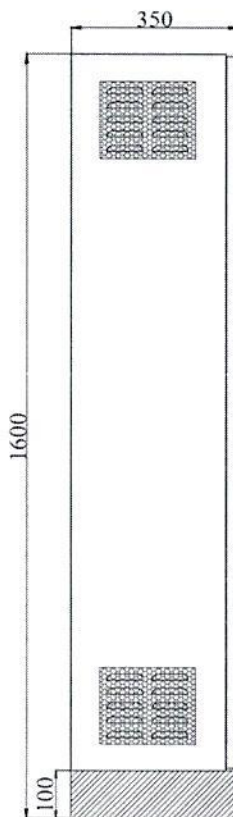


INSIDE VIEW

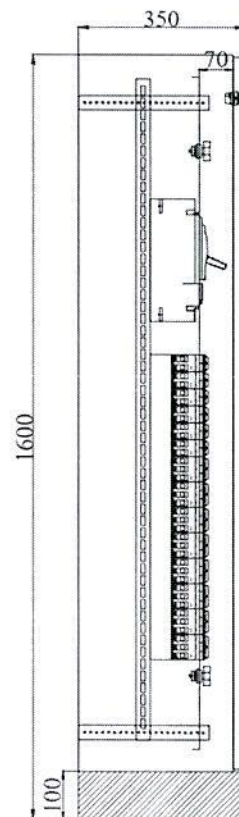
1.5. LAYOUT TỦ ĐIỆN AC GATE 1 - 01 & 02



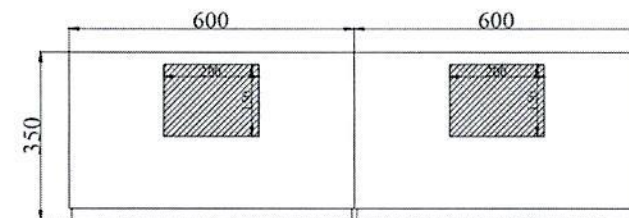
BACK VIEW



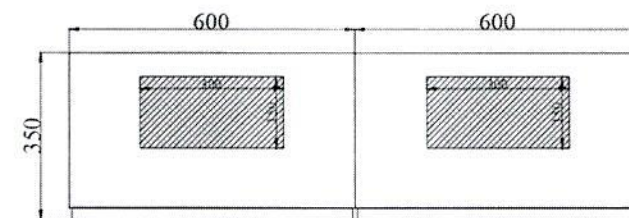
SIDE VIEW



SECTION VIEW



TOP VIEW



BOTTOM VIEW

2. TỦ ĐIỆN AC GATE 2 - 01 & 02

2.1. THÔNG SỐ KỸ THUẬT TỦ ĐIỆN AC GATE 2 - 01 & 02

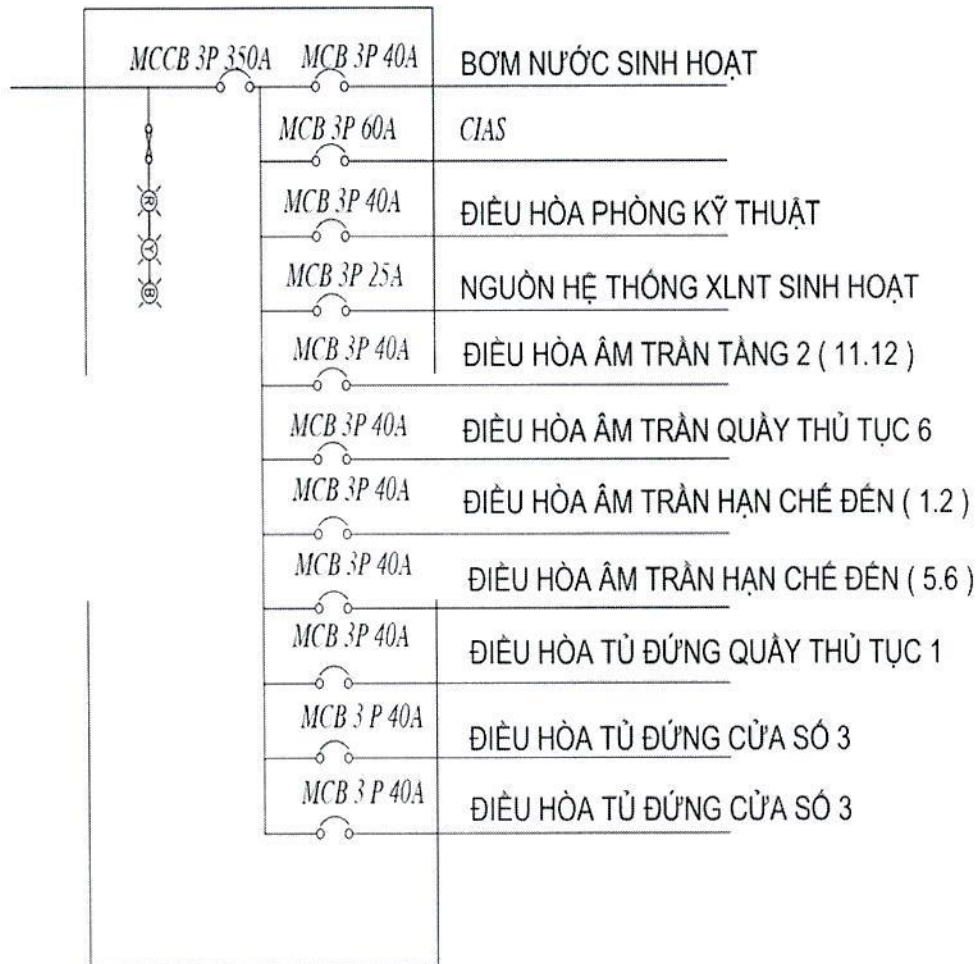
TECHNICAL DATA (THÔNG SỐ KỸ THUẬT)						
1. Switchboard Type: (Kiểu tủ)	☒ MSB	☐ MDB/DB	☐ MCC	☐ COMPOSITE		
2. Standard Of Production: (Tiêu chuẩn sản xuất)	☒ IEC 61439-1,2 & QCVN	* Electrical Spec:		☒ 3P-4W-380/220 ± 10%V · 50 ± 5% Hz		
3. Work Environment: (Môi trường làm việc)	☒ Normal (Bình thường)	☐ Corrosive Medium (Ăn mòn trung bình)	☐ Seaside Environment (Môi trường cạnh biển)			
4. Mounting Position: (Vị trí lắp đặt)	☒ Indoor (Trong nhà) ☒ Standing Floor (Trên sàn)	☐ Outdoor (Ngoài trời) ☐ Wall-mounted (Trên tường)	☐ Recessed (Ám tường)			
5. Degree Of Protection: (Cấp bảo vệ IP)	☐ IP 31	☒ IP42	☐ IP54			
6. Segregation Form: (Dạng chia ngăn tủ)	☐ Form 1	☐ Form 2a ☒ Form 2b	☐ Form 3a ☐ Form 3b	☐ Form 4a ☐ Form 4b		
7. Color Enclosure: (Màu sơn tủ điện)	☒ RAL 7035 Light Grey (kem nhàn)	☐ RAL 7032 Pebble Grey (xám nhàn)	☐ RAL 3129 Smooth red (đỏ láng)	☐ COMPOSITE		
8. Frame Structure (Kết cấu khung tủ):						
- Dimension (Kích thước): Height (mm) x Width (mm) x Depth (mm): 1600x1200x350						
- Material (Vật liệu): ☒ Steel plate (Thép tấm) ☐ Inox 304 ☐ Other (Khác)						
- Thickness of Frame (Độ dày khung): ☐ 1.2mm ☒ 1.5mm ☐ 2.0mm						
- Thickness of Doors (Độ dày cửa): ☐ 1.2mm ☒ 1.5mm ☐ 2.0mm						
- Other detail thickness (Độ dày chi tiết khác): ☐ 1.2mm ☒ 1.5mm ☐ 2.0mm						
☐ Composite ☐ 3mm ~ 5mm ☐ Tolerance of Dimension Composite (Sai số kích thước vỏ Composite) : ± 5.0 mm						
9. Connecting Access (Kết nối cáp vào/ra):						
+ Incoming (Cáp vào): ☒ Top (Đỉnh tủ) ☐ Bottom (Đáy tủ) ☐ Back (Lưng tủ) ☐ Side (Hông tủ)						
+ Outgoing (Cáp ra): ☒ Top (Đỉnh tủ) ☐ Bottom (Đáy tủ) ☐ Back (Lưng tủ) ☐ Side (Hông tủ)						
10. Nameplate: (Nhãn tủ điện)	☒ Vietnamese (Tiếng việt) ☒ English (Tiếng anh)		☒ Decal - Black lettering on yellow (chữ đen, nền vàng) - cửa trong ☒ Mica - White lettering on black (chữ trắng, nền đen) - cửa ngoài			
11. Cable, Wiring & Busbar system (Hệ thống thanh cái và dây, cáp):						
+ Cable (Cáp): ☒ Power Cable (Cáp động lực) ☒ Cu/PVC - 0.6/1kV						
+ Wiring (Dây): ☒ Control Wiring (Dây điều khiển) ☒ Cu/PVC - 300/500VAC ☒ Size - 1.0 mm ²						
☒ Secondary Wiring (Dây đo lường) ☒ Cu/PVC - 300/500VAC ☒ Size - 1.5 mm ²						
+ Busbar system (Hệ thống busbar):						
☐ Niken Plating (Mạ niken) ☒ Base copper (Đồng trần)						
☐ Heat Shrink Cover Phase Marking (Bọc co nhiệt phân pha) ☒ Heat Shrink Cover (Bọc co nhiệt)						
☐ N=100%P (Trung tính=100% pha) ☒ N=50%P (Trung tính=50% pha)						
12. Phase / Polarity Arrangement and Colour Coding (Sắp xếp pha / phân cực và quy định màu)	Phase Name (Tên pha)	Phase 1 (Phase 1)	Phase 2 (Phase 2)	Phase 3 (Phase 3)	Neutral (Trung tính)	Earth (Tiếp địa)
	Color Symbol (Màu sắc)	Red (Đỏ)	Yellow (Vàng)	Blue (Xanh dương)	Black (Đen)	Yellow-Green
	Phase Symbol (Ký hiệu pha)	R	S	T	N	E

2.2. DANH MỤC THIẾT BỊ TỦ ĐIỆN AC GATE 2 - 01 & 02

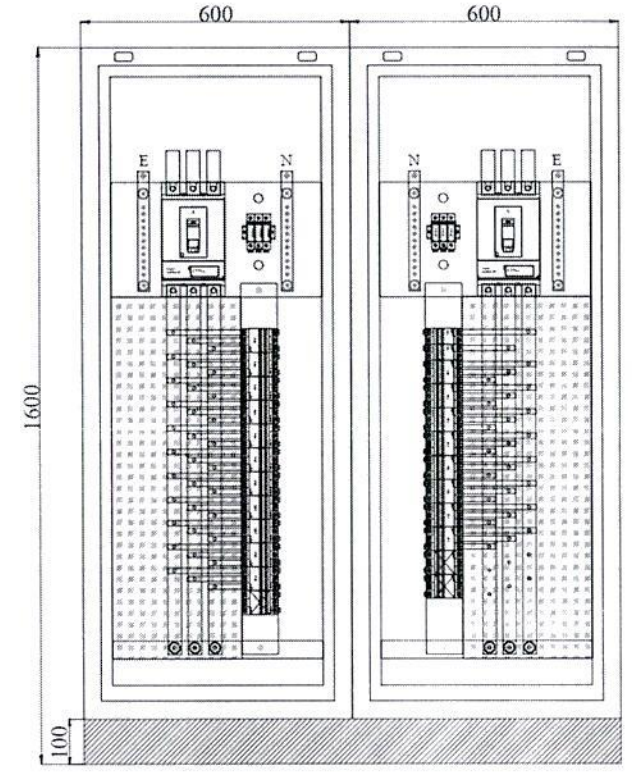
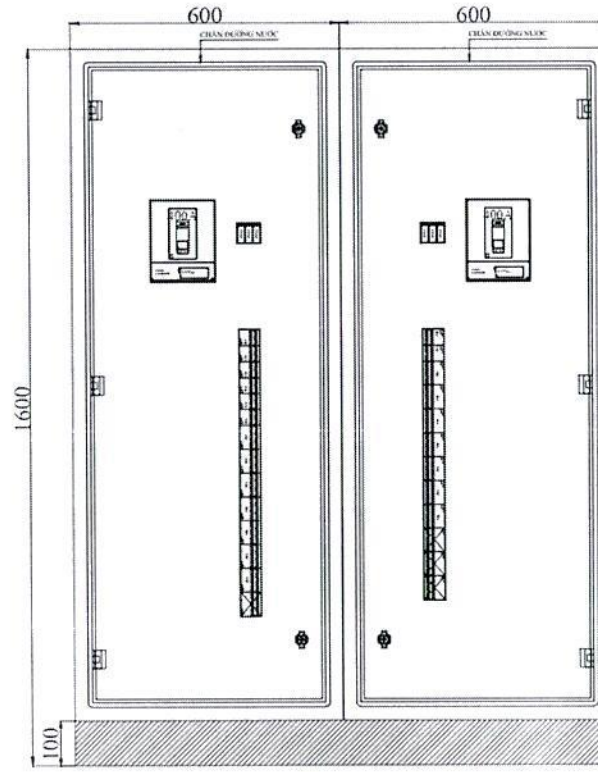
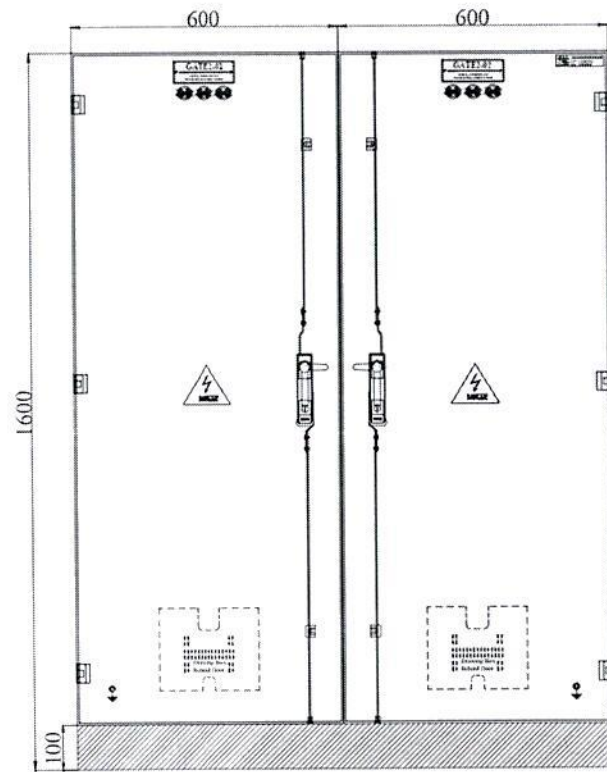
STT	Nội dung	Nhãn hiệu/ Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	TỦ ĐIỆN AC GATE 2	VN	Tủ	1	
1.1	Tủ sơn tĩnh điện màu DHE - 7035 Form 2b, IP 42	VN	Tủ	1	
1.2	Busbar + cáp (đã bao gồm)	VN	Bộ	1	
2	NGÕ VÀO 1				
2.1	MCCB 3P 400A 50KA	Schneider	Cái	1	
2.2	Đèn báo pha	CNC/ tương đương	Cái	3	
2.3	Cầu chì + đế	CNC/ tương đương	Cái	3	
3	NGÕ RA 1				
3.1	MCB 3P 40A 6KA	Schneider	Cái	9	
3.2	MCB 3P 25A 6KA	Schneider	Cái	1	
3.3	MCB 3P 63A 6KA	Schneider	Cái	1	
4	NGÕ VÀO 2				
4.1	MCCB 3P 400A 50KA	Schneider	Cái	1	
4.2	Đèn báo pha	CNC/ tương đương	Cái	3	
4.3	Cầu chì + đế	CNC/ tương đương	Cái	3	
5	NGÕ RA 2				
5.1	MCB 3P 40A 6KA	Schneider	Cái	8	
5.2	MCB 2P 40A 6KA	Schneider	Cái	1	
5.1	MCB 2P 20A 6KA	Schneider	Cái	1	
6	Nhân công + phụ kiện lắp đặt (đã bao gồm)	VN	Lô	1	

2.3. SƠ ĐỒ NGUYÊN LÝ TỦ ĐIỆN AC GATE 2 - 01 & 02

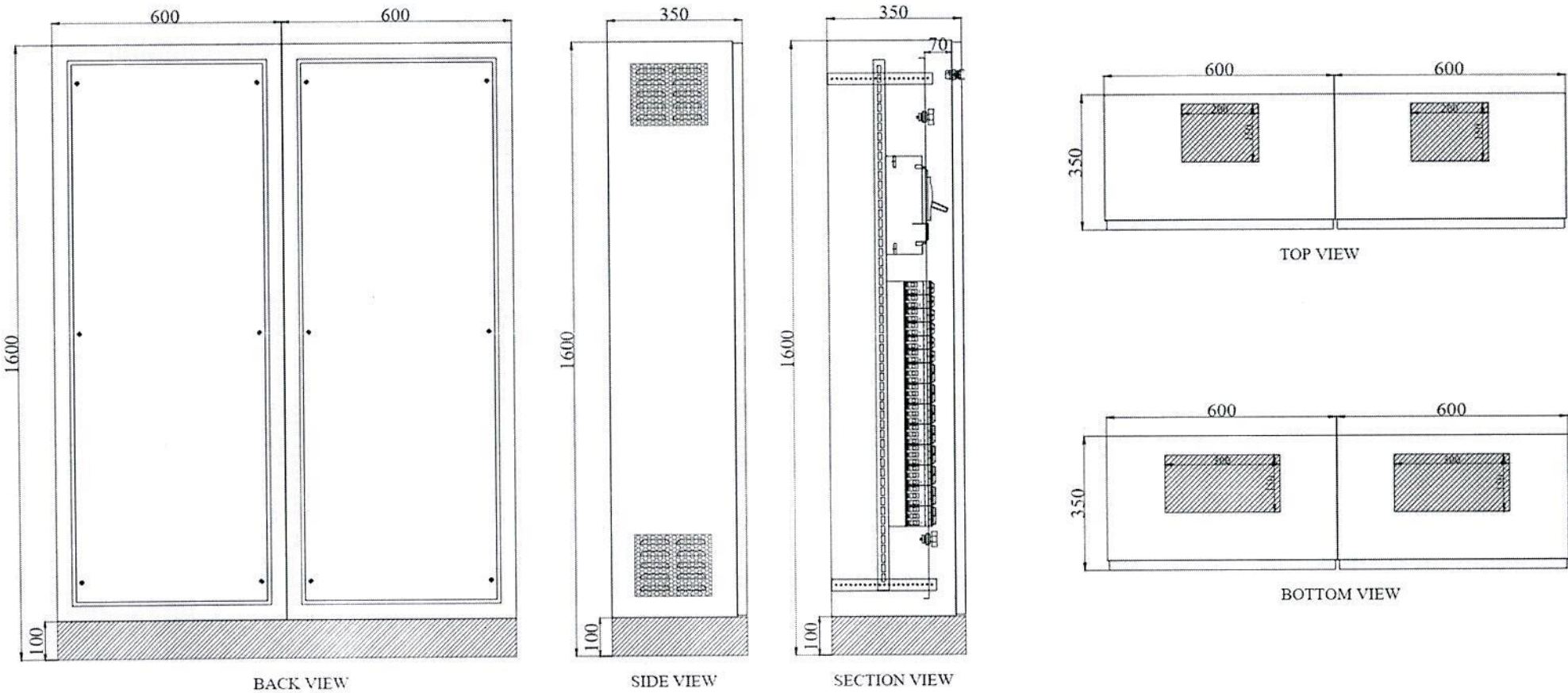
AC GATE 2



2.4. LAYOUT TỦ ĐIỆN AC GATE 2 - 01 & 02



2.5. LAYOUT TỦ ĐIỆN AC GATE 2 - 01 & 02



3. TỦ ĐIỆN TỔNG (MBS)

3.1. THÔNG SỐ KỸ THUẬT TỦ ĐIỆN TỔNG (MBS)

TECHNICAL DATA (THÔNG SỐ KỸ THUẬT)						
1. Switchboard Type: (Kiểu tủ)	☒ MSB	☐ MDB/DB	☐ MCC	☐ COMPOSITE		
2. Standard Of Production: (Tiêu chuẩn sản xuất)	☒ IEC 61439-1,2 & QCVN		* Electrical Spec:		☒ 3P-4W-380/220 ± 10%V • 50 ± 5% Hz	
3. Work Environment: (Môi trường làm việc)	☒ Normal (Bình thường)	☐ Corrosive Medium (Ăn mòn trung bình)	☐ Seaside Environment (Môi trường cạnh biển)			
4. Mounting Position: (Vị trí lắp đặt)	☒ Indoor (Trong nhà)	☐ Outdoor (Ngoài trời)	☐ Recessed (Âm tường)			
	☒ Standing Floor (Trên sàn)	☐ Wall - mounted (Treo tường)				
5. Degree Of Protection: (Cấp bảo vệ IP)	☐ IP 31	☒ IP42	☐ IP54			
6. Segregation Form: (Dạng chia ngăn tủ)	☐ Form 1	☐ Form 2a	☐ Form 3a	☐ Form 4a		
		☒ Form 2b	☐ Form 3b	☐ Form 4b		
7. Color Enclosure: (Màu sơn tủ điện)	☒ RAL 7035 Light Grey (kem nhàn)	☐ RAL 7032 Pebble Grey (xám nhàn)	☐ RAL 3129 Smooth red (đỏ láng)	☐ COMPOSITE		
8. Frame Structure (Kết cấu khung tủ):						
+ Dimension (Kích thước): Height (mm) x Width (mm) x Depth (mm): 1600x 700 x350						
+ Material (Vật liệu): ☒ Steel plate (Thép tấm) ☐ Inox 304 ☐ Other (Khác) ☐ Composite						
+ Thickness of Frame (Độ dày khung): ☐ 1.2mm ☒ 1.5mm ☐ 2.0mm ☐ 3mm ~ 5mm						
+ Thickness of Doors (Độ dày cửa): ☐ 1.2mm ☒ 1.5mm ☐ 2.0mm ☐ Tolerance of Dimension Composite (Sai số kích thước vỏ Composite) : ± 5.0 mm						
+ Other detail thickness (Độ dày chi tiết khác): ☐ 1.2mm ☒ 1.5mm ☐ 2.0mm						
9. Connecting Access (Kết nối cáp vào/ra):						
+ Incoming (Cáp vào): ☒ Top (Đỉnh tủ) ☐ Bottom (Đáy tủ) ☐ Back (Lưng tủ) ☐ Side (Hông tủ)						
+ Outgoing (Cáp ra): ☒ Top (Đỉnh tủ) ☐ Bottom (Đáy tủ) ☐ Back (Lưng tủ) ☐ Side (Hông tủ)						
10. Nameplate: (Nhãn tủ điện)	☒ Vietnamese (Tiếng việt)		☒ Decal - Black lettering on yellow (chữ đen, nền vàng) - cửa trong			
	☒ English (Tiếng anh)		☒ Mica - White lettering on black (chữ trắng, nền đen) - cửa ngoài			
11. Cable, Wiring & Busbar system (Hệ thống thanh cái và dây, cáp):						
+ Cable (Cáp): ☒ Power Cable (Cáp động lực) ☒ Cu/PVC - 0.6/1kV						
+ Wiring (Dây): ☒ Control Wiring (Dây điều khiển) ☒ Cu/PVC - 300/500VAC ☒ Size - 1.0 mm ²						
☒ Secondary Wiring (Dây đo lường) ☒ Cu/PVC - 300/500VAC ☒ Size - 1.5 mm ²						
+ Busbar system (Hệ thống busbar): ☐ Niken Plating (Mạ niken) ☒ Base copper (Đồng trần)						
☐ Heat Shrink Cover Phase Marking (Bọc co nhiệt phân pha) ☒ Heat Shrink Cover (Bọc co nhiệt)						
☐ N=100%P (Trung tính=100% pha) ☒ N=50%P (Trung tính=50% pha)						
12. Phase / Polarity Arrangement and Colour Coding (Sắp xếp pha / phân cực và quy định màu)	Phase Name (Tên pha)	Phase 1 (Phase 1)	Phase 2 (Phase 2)	Phase 3 (Phase 3)	Neutral (Trung tính)	Earth (Tiếp địa)
	Color Symbol (Màu sắc)	Red (Đỏ)	Yellow (Vàng)	Blue (Xanh dương)	Black (Đen)	Yellow-Green
	Phase Symbol (Ký hiệu pha)	R	S	T	N	E

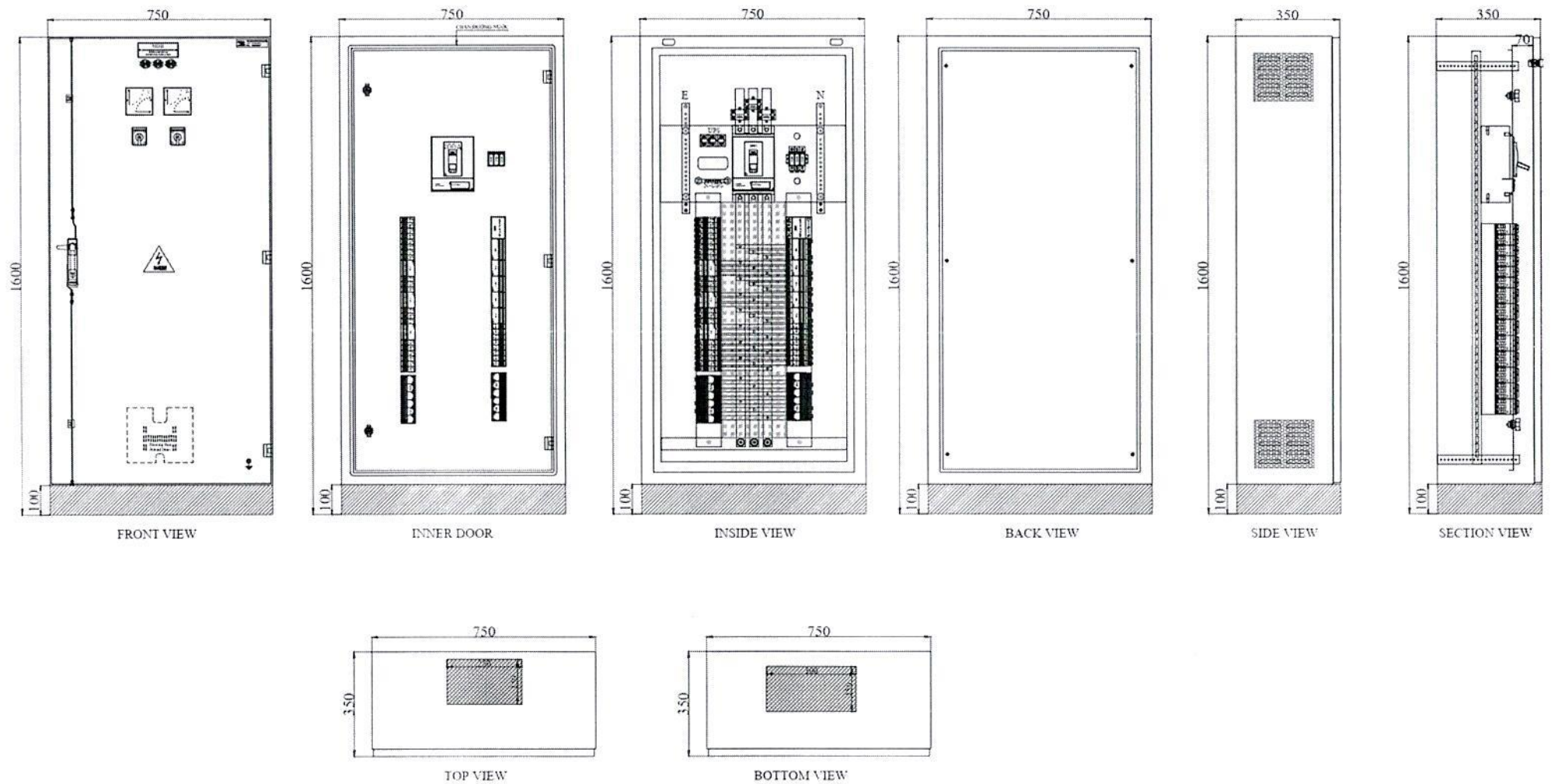
3.2. DANH SÁCH THIẾT BỊ TỦ ĐIỆN TỔNG (MBS)

STT	Nội dung	Nhãn hiệu/ Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	TỦ ĐIỆN MDB	VN	Tủ	1	
1.1	Tủ sơn tĩnh điện màu DHE - 7035 Form 2b, IP 42	VN	Tủ	1	
1.2	Busbar + cáp (đã bao gồm)	VN	Bộ	1	
2	NGÕ VÀO				
2.1	MCCB 3P 400A 50KA	Schneider	Cái	1	
2.2	Đồng hồ V + VS	CNC/ tương đương	Cái	1	
2.3	Đồng hồ A + AS 80A	CNC/ tương đương	Cái	1	
2.4	MCT 400/5A	Precise/ tương đương	Cái	3	
2.5	Đèn báo pha	CNC/ tương đương	Cái	3	
2.6	Cầu chì + đế	CNC/ tương đương	Cái	3	
3	NGÕ RA 1				
3.1	MCB 3P 125A 15KA	Schneider	Cái	2	
3.2	MCB 3P 80A 15KA	Schneider	Cái	2	
3.3	MCB 3P 40A 6KA	Schneider	Cái	4	
3.4	MCB 3P 32A 6KA	Schneider	Cái	3	
3.5	MCB 1P 32A 6KA	Schneider	Cái	5	
3.6	MCB 1P 25A 6KA	Schneider	Cái	9	
3.7	MCB 1P 20A 6KA	Schneider	Cái	5	
3.8	MCB 4P 40A 6KA	Schneider	Cái	1	
3.9	Bộ chống sét lan truyền 40KA	OBO/ tương đương	Bộ	1	
4	NGÕ RA 2				
4.1	Domino 3P 60A	Hanyoung/ tương đương		1	
4.2	MCB 1P 32A 6KA	Schneider	Cái	2	
4.3	MCB 1P 25A 6KA	Schneider	Cái	2	
4.4	MCB 1P 16A 6KA	Schneider	Cái	5	
5	Nhân công + phụ kiện lắp đặt (đã bao gồm)	VN	Lô	1	

Handwritten: 100



3.3. LAYOUT TỦ ĐIỆN TỔNG (MBS)





Mẫu số 01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN CHÀO HÀNG

Ngày: _____ [điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng]

Hạng mục: “Sửa chữa, cải tạo hệ thống tủ điện cấp nguồn cho nhà ga T1”

Kính gửi: Cảng hàng không Đồng Hới.

Sau khi nghiên cứu bản Thông báo mời chào giá của Cảng hàng không Đồng Hới mà chúng tôi nhận được, chúng tôi, _____ [Ghi tên nhà cung cấp], cam kết thực hiện hạng mục nói trên theo đúng yêu cầu của thông báo mời chào giá với tổng số tiền là _____ VND [Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền] cùng với biểu giá kèm theo.

1. Thời gian thực hiện: theo đúng yêu cầu của Thông báo mời chào giá kể từ ngày Hợp đồng được ký kết và có hiệu lực.

2. Loại Hợp đồng: trọn gói.

3. Hình thức thanh toán: chuyển khoản.

4. Phương thức thanh toán: _____.

5. Thời gian bảo hành: _____.

6. Hồ sơ chào giá này có hiệu lực: _____ ngày, kể từ ngày hết hạn nộp hồ sơ chào giá.

7. Hồ sơ kèm theo bao gồm: _____.

Chúng tôi cam kết:

- Chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật và Cảng hàng không Đồng Hới về những thông tin kê khai trong Hồ sơ chào giá.

- Có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đang hoạt động hợp pháp.

- Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.

- Không vi phạm quy định về đảm bảo cạnh tranh trong quá trình chào hàng.

- Không vi phạm các hành vi bị cấm trong khi tham dự hạng mục này.

- Không đang tranh chấp, khiếu kiện, xung đột quyền lợi với Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP.

Nếu Hồ sơ chào giá của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi bảo đảm sẽ thực hiện hợp đồng theo đúng yêu cầu của Thông báo mời chào giá và đúng theo quy định của pháp luật.

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

- Nhà cung cấp lưu ý điền đầy đủ và chính xác các thông tin và hoàn toàn chịu trách nhiệm về các thông tin được kê khai trong Hồ sơ chào giá.
- Giá chào phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với tổng giá chào ghi trong biểu giá tổng hợp. Không đề xuất các giá chào khác nhau hoặc có kèm theo các điều kiện gây bất lợi cho Cảng hàng không Đồng Hới - CN TCT Cảng hàng không Việt Nam - CTCP.
- Hồ sơ chào giá phải được đóng gói cẩn thận trong 01 túi hồ sơ được niêm phong. Bên ngoài túi hồ sơ chào giá có ghi thông tin liên hệ và tiêu đề: **Hồ sơ chào giá hạng mục: “Sửa chữa, cải tạo hệ thống tủ điện cấp nguồn cho nhà ga T1”**.



Mẫu số 02

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ CHÀO

Stt	Nội dung	Giá chào
1	Hàng hóa	(M)
2	Các dịch vụ liên quan	(I)
Tổng cộng giá chào:		(M) + (I)
(Bằng chữ: _____.)		
(kết chuyển sang Đơn chào hàng)		

*Giá trên đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) và toàn bộ các chi phí cần thiết để thực hiện hạng mục nói trên tại Cảng hàng không Đồng Hới.

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp
(Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)



BẢNG GIÁ CHÀO CỦA HÀNG HÓA

STT	Danh mục và quy cách của hàng hóa [ghi tên quốc gia, vùng lãnh thổ, ký mã hiệu, nhãn hiệu, hãng sản xuất]	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))	Thành tiền đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)x(5)
1	Hàng hoá thứ 1				M1
					
n	Hàng hoá thứ n				Mn
Tổng cộng giá chào của hàng hoá đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có):					(M)=(M1)+...(Mn)
(kết chuyển sang Bảng tổng hợp giá chào)					

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]



BẢNG GIÁ CHÀO CÁC DỊCH VỤ LIÊN QUAN

STT	Mô tả dịch vụ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))	Thành tiền (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (4) x (5)
1	Dịch vụ thứ 1				I1
...					...
n	Dịch vụ thứ n				In
Tổng giá chào cho các dịch vụ liên quan đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có):					(I)=(I1)+...+(In)
(kết chuyển sang Bảng tổng hợp giá chào)					

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]